

Bản án số: 527/2020/HS-ST

Ngày: 21/9/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Viết Dục.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Trung Diễn;

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Sỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 477/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 508/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

**1. H**, sinh năm 1959, tại Đồng Nai. Tên gọi khác: B. Nơi cư trú: Số 22, khu phố B, phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: Như trên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Nghề nghiệp: Không. Chức vụ (đoàn thể, đảng phái): Không. Họ tên cha: Lê Văn Ch (Đã chết). Họ tên mẹ: Phan Thị C (Đã chết). Gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ 5. Có chồng là Lê Văn L (đã chết), có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1978, con nhỏ nhất sinh năm 1990. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt giữ ngày 17/5/2020, được hủy bỏ tạm giữ ngày 22/5/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1983, tại Đồng Nai. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Số 15/3F, khu phố N, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: Như trên. Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Phật. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Không. Chức vụ (đoàn thể, đảng phái): Không. Họ tên cha: Nguyễn Ngọc TV, sinh năm 1966. Họ tên mẹ: Trần Thị PY, sinh năm 1966. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất. Có chồng là Trần Thanh B, sinh năm 1983, có 01 con sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt giữ ngày 17/5/2020, được hủy bỏ tạm giữ ngày 22/5/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**3. Lê Thị HT**, sinh năm 1984, tại Đồng Nai. Tên gọi khác: Hiền. Nơi cư trú: 388/11, khu phố B, phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: Như trên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật. Trình độ học vấn: Lớp

05/12. Nghề nghiệp: Không. Chức vụ (đoàn thể, đảng phái): Không. Họ tên cha: Trần Long H, không rõ năm sinh (Đã chết). Họ tên mẹ: Lê Thị H1, sinh năm 1958. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2 và chưa có chồng con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt giữ ngày 17/5/2020, được hủy bỏ tạm giữ ngày 22/5/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**4. Đặng Thị A**, sinh năm 1969, tại Đồng Nai. Tên gọi khác: Bảy. Nơi cư trú: khu phố B, phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: Như trên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Không. Chức vụ (đoàn thể, đảng phái): Không. Họ tên cha: Đặng Văn P, sinh năm 1936 (đã chết). Họ tên mẹ: Mai Thị L, sinh năm 1939. Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ 6. Họ tên chồng (đã ly hôn): Phùng MC, sinh năm 1970. Bị cáo có 02 con sinh năm 1994 và năm 2002. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt giữ ngày 17/5/2020, được hủy bỏ tạm giữ ngày 22/5/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**5. Phạm Thị CH**, sinh năm 1961, tại Đồng Nai. Tên gọi khác: H. Nơi cư trú: khu phố N, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: Như trên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật. Trình độ học vấn: Lớp 05/12. Nghề nghiệp: Buôn bán. Chức vụ (đoàn thể, đảng phái): Không. Họ tên cha: Phạm Văn C, sinh năm 1936 (Đã chết). Họ tên mẹ: Trương Thị C1, sinh năm 1938 (Đã chết). Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ 4. Có chồng là Thái Văn Đ, sinh năm 1961, có 02 con, sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1986. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt giữ ngày 17/5/2020, được hủy bỏ tạm giữ ngày 22/5/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**6. Trần TH**, sinh năm 1975, tại Đồng Nai. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: khu phố B, phường TH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: Như trên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật. Trình độ học vấn: Lớp 06/12. Nghề nghiệp: Làm thuê. Chức vụ (đoàn thể, đảng phái): Không. Họ tên cha: Trần Văn H, sinh năm 1940. Họ tên mẹ: Mai Thị N, sinh năm 1940. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất. Có chồng là Lê Chánh Tr, sinh năm 1970, có 01 con sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt giữ ngày 17/5/2020, được hủy bỏ tạm giữ ngày 22/5/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**7. Huỳnh Thị ND**, sinh năm 1968, tại Đồng Nai. Tên gọi khác: Tư. Nơi cư trú: khu phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: khu phố N, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 05/12. Nghề nghiệp: Không. Chức vụ (đoàn thể, đảng phái): Không. Họ tên cha: Huỳnh Văn Đ, không rõ năm sinh. Họ tên mẹ: Đào Thị B (Đã chết). Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 2. Có chồng là Nguyễn Thanh L, sinh năm 1959. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2001. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt giữ ngày 17/5/2020, được hủy bỏ tạm giữ ngày 22/5/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 17/5/2020, đối tượng tên Tào (chưa rõ lai lịch) đến gặp H (Bảy) bàn bạc với Huệ sử dụng căn nhà số 22, khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa (nhà của chị Lê Thị Tr, con gái H) làm địa điểm đánh bạc. Tào sẽ lôi kéo người đến đánh bạc, H thu xâu và mỗi người sẽ được hưởng 1/2 số tiền xâu, H đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày tại địa điểm nêu trên, H đã để người phụ nữ tên Hy (chưa rõ lai lịch) cầm cái đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “Cào cái” với Phạm Thị CH, Trần TH, Huỳnh Thị ND, Lê Thị HT, Nguyễn Ngọc T, Đặng Thị A và một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) để H thu tiền xâu.

Cách thức như sau: Mỗi ván bài người chơi đặt tiền cược trước vào “tụ” của mình. Sau đó, Hy dùng bộ bài Tây (loại 52 lá) chia đều mỗi “tụ” 03 (ba) lá bài, rồi tính điểm để xác định thắng, thua. Khi lật bài lên, Hy sẽ lấy bài của mình so sánh với từng “tụ”, nếu bài của Hy lớn hơn bài của “tụ” nào thì Hy sẽ thắng và thu toàn bộ số tiền của “tụ” đó đã đặt và ngược lại (tức tỷ lệ thắng thua là 1-1). Nếu bài của Hy và bài của người chơi bằng điểm nhau thì không thắng, không thua (hòa). Một người có thể đặt nhiều “tụ” hoặc nhiều người có thể đặt chung một “tụ” (đặt ké).

Cách tính điểm: Lá bài Át (A) tính 01 điểm, lá bài in số (2,3,4...) tính điểm tương đương số in trên lá bài đó, lá bài hình Tây (J, Q, K) tính 10 điểm. Bài cao nhất là bài có 03 lá hình Tây, kể đến là bài có số điểm lần lượt là 9, 8, 7... Số điểm 10, 20, 30 gọi là “bù” (không có điểm).

H quy định cứ chơi khoảng 10 đến 12 ván Huệ thu của Hy từ 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) đến 100.000đ (một trăm nghìn đồng) tiền xâu để vào 01 cái lon tại chiếu bạc. Hy quy định mỗi ván đặt tiền cược mỗi “tụ” ít nhất là 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), nhiều nhất là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), tất cả đồng ý. Hy là người trực tiếp làm cái (chia bài, so điểm, kiểm soát các “tụ” và thu tiền của người thua, trả tiền cho người thắng). Huệ ngồi ngoài theo dõi và thu tiền xâu.

Số tiền từng người sử dụng đánh bạc cụ thể như sau:

Nguyễn Ngọc T mang theo 8.300.000đ (tám triệu ba trăm nghìn đồng), sử dụng 2.000.000đ (hai triệu đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt, Trâm thua 2.000.000đ (hai triệu đồng), còn lại 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng) đang để trong người và bị tạm giữ, không liên quan đến việc phạm tội.

Lê Thị HT mang theo và sử dụng số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt, Trang đã thua số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), còn lại 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) đang để trong người và bị tạm giữ.

Đặng Thị A mang theo 3.000.000đ (ba triệu đồng), sử dụng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt, Anh thua 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), còn lại 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) đang để trong người và bị tạm giữ, trong đó có 1.000.000đ (một triệu đồng) dùng để đánh bạc, còn lại 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) không dùng vào việc phạm tội.

Phạm Thị CH mang theo và sử dụng số tiền 920.000đ (chín trăm hai mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt, Hải đã thua số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), còn lại 420.000đ (bốn trăm hai mươi nghìn đồng) đang để trong người và bị tạm giữ.

Trần TH mang theo và sử dụng số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt, Hiền đã thua số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), còn lại 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) đang để trong người và bị tạm giữ.

Huỳnh Thị ND mang theo và sử dụng số tiền 560.000đ (năm trăm sáu mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt, Điệp đã thua hết tiền.

Phạm Thị CH, Trần TH, Huỳnh Thị ND, Lê Thị HT, Nguyễn Ngọc T và Đặng Thị A cùng đối tượng tên Hy và một số đối tượng khác (chưa rõ lai lịch) tham gia đánh bạc đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị Công an thành phố Biên Hòa phối hợp cùng Công an phường Quang Vinh phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền dùng vào việc đánh bạc 14.020.000 đồng (mười bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). Hy và một số đối tượng khác (chưa rõ lai lịch) bỏ chạy thoát.

Quá trình đánh bạc, H đã thu xâu được số tiền là 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng), đã bị tạm giữ cùng số tiền tang vật.

Vật chứng trong vụ án, gồm:

- 01 (một) bộ bài Tây 52 lá sử dụng để đánh bạc.

- 14.020.000đ (mười bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó: Thu giữ trên chiếu bạc 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng); thu giữ tiền thu xâu của H 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng); thu giữ trên người các con bạc số tiền dùng để đánh bạc: 3.220.000đ (ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), gồm: Lê Thị HT 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng); Đặng Thị A 1.000.000đ (một triệu đồng); Phạm Thị CH 420.000đ (bốn trăm hai mươi nghìn đồng); Trần TH 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

-Thu giữ tài sản không liên quan đến vụ án Cơ quan điều tra đang tạm giữ gồm: 10.000.000đ (mười triệu đồng) của H; 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng) của Nguyễn Ngọc T; 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) của Đặng Thị A.

-Thu giữ tài sản khác không liên quan đến đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã giao trả cho chủ sở hữu gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell trả cho Phạm Thị CH; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia trả cho Trần TH; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia trả cho Huỳnh Thị ND; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 10 trả cho Lê Thị HT; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy trả cho Nguyễn Ngọc T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia trả cho Đặng Thị A.

Tại cáo trạng số 483/CT/VKS-BH ngày 21 tháng 8 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo H, Nguyễn Ngọc T, Lê Thị HT, Đặng Thị A, Phạm Thị CH, Trần TH và Huỳnh Thị ND về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, nêu tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”, đồng thời đề nghị căn cứ vào:

-Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo H, Nguyễn Ngọc T mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng; xử phạt các bị cáo Lê Thị HT, Đặng Thị A Phạm Thị

CH, Trần TH và Huỳnh Thị ND mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá là dụng cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 14.020.000đ (mười bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc; tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) của H; số tiền 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng) của Nguyễn Ngọc T; số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) của Đặng Thị A để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo:

Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 17/5/2020, tại nhà số 22, khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa (nhà của chị Lê Thị Tr, con gái H), Huệ cùng với đối tượng tên Tào (chưa rõ lai lịch) sử dụng địa điểm nêu trên để người phụ nữ tên Hy (chưa rõ lai lịch) cầm cái đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “Cào cái” với Nguyễn Ngọc T, Lê Thị HT, Đặng Thị A, Phạm Thị CH, Trần TH, Huỳnh Thị ND và một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) để Huệ thu tiền xâu. Số tiền các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là 14.020.000 đồng (mười bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). H và Tào thu xâu được 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến an ninh trật tự công cộng, ảnh hưởng tới nếp sống văn minh của xã hội, trật tự trị an tại địa phương, đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo:

Các bị cáo là những người thực hiện tội phạm trong vai trò đồng phạm giản đơn với tính chất, mức độ như sau:

H cùng với đối tượng tên Tào (chưa rõ lai lịch) sử dụng địa điểm là căn nhà số 22, khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa để cho các đối tượng tham gia đánh bạc; là người trực tiếp thu số tiền xâu 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) của những người tham gia đánh bạc. Vai trò của H là người giúp sức thực hiện hành vi đánh bạc.

Phạm Thị CH, Trần TH, Huỳnh Thị NĐ, Lê Thị HT, Nguyễn Ngọc T và Đặng Thị A là người thực hiện hành vi “Đánh bạc”. Cụ thể: Nguyễn Ngọc T sử dụng 2.000.000đ (hai triệu đồng), Lê Thị HT và Đặng Thị A mỗi bị cáo sử dụng số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), Phạm Thị CH sử dụng số tiền 920.000đ (chín trăm hai mươi nghìn đồng), Trần TH sử dụng số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), Huỳnh Thị NĐ sử dụng số tiền 560.000đ (năm trăm sáu mươi nghìn đồng) để đánh bạc.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo H, T, Tr, A không có nghề nghiệp; bị cáo CH, bị cáo TH thuộc thành phần lao động nghèo; bị cáo H không biết chữ, các bị cáo T, TH, CH, Đ trình độ học vấn thấp; bị cáo T là người khuyết tật (mất sức lao động 51%) là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

[5] Về quyết định hình phạt:

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm của từng bị cáo; căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tây 52 lá là dụng cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền: 14.020.000đ (mười bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc;

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) của H, 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng) của Nguyễn Ngọc T, 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) của Đặng Thị A để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:  
Buộc các bị cáo phải nộp.

[8] Về các vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với đối tượng tên Hy (chưa rõ lai lịch) tham gia cầm cái đánh bạc, đối tượng tên Tào (chưa rõ lai lịch) lôi kéo các bị cáo đến nhà Huệ đánh bạc và một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) thực hiện hành vi đánh bạc đã bỏ chạy thoát, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[9] Quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo H 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); xử phạt Nguyễn Ngọc T, Đặng Thị A mỗi bị cáo 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng); xử phạt Lê Thị HT, Phạm Thị CH, Trần TH và Huỳnh Thị NĐ mỗi bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

-Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tây 52 lá là dụng cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền: 14.020.000đ (mười bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc;

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) của H, 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng) của Nguyễn Ngọc T, 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) của Đặng Thị A để đảm bảo thi hành án.

(Theo BB giao vật chứng số, tài sản ngày 16/9/2020; Biên lai thu tiền số 000137 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo H, Nguyễn Ngọc T, Lê Thị HT, Đặng Thị A, Phạm Thị CH, Trần TH và Huỳnh Thị NĐ mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- Công an TP Biên Hòa;
- Chi cục THA DS TP Biên Hòa;
- Lưu HS, VP.

**Trịnh Viết Được**